

6. SƯ PHẠM NGỮ VĂN (*Language and Literature Teacher Education*)

*Mã ngành: 7140217

*Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 135 (*Không tính học phần: GDQP - AN 08 tín chỉ, GDTC 03 tín chỉ*), trong đó:

- Khối kiến thức đại cương:	22 tín chỉ
- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	71 tín chỉ
+ Khối kiến thức của nhóm ngành:	08 tín chỉ
+ Khối kiến thức chuyên ngành:	63 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	43 tín chỉ
<i>Tự chọn:</i>	20 tín chỉ
- Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm:	35 tín chỉ
<i>Bắt buộc:</i>	31 tín chỉ
<i>Tự chọn:</i>	04 tín chỉ
- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế:	07 tín chỉ

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ				
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực tập, thực tế	Tự học, tự nghiên cứu
				Lý thuyết	Bài tập	Seminar, thảo luận		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Khối kiến thức đại cương		22					
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	03	32		26		90
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	02	21		18		60
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	02	21		18		60
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	02	21		18		60
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	02	21		18		60
6	Tiếng Anh A2 1	A2101.1	03	30	30			90
7	Tiếng Anh A2 2	A2102.1	02	15	30			60
8	Tiếng Anh A2 3	A2103.1	02	15	30			60
9	Tin học	TH101	02	15			30	45
10	Giáo dục thể chất 1	TC101	01				30	15
11	Giáo dục thể chất 2	TC102	01				30	15
12	Giáo dục thể chất 3	TC103	01				30	15
13	Pháp luật đại cương	PL101	02	15		30		45
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		71					
II.1	Khối kiến thức của nhóm ngành		08					
14	Cơ sở văn hoá Việt Nam	VH201	02	15	15	15		45
15	Mĩ học đại cương	VH833	02	15	15	15		45
16	Văn bản Hán Nôm	VH802	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
17	Cơ sở ngôn ngữ học	VH302	02	15	15	15		45
II.2	Khối kiến thức chuyên ngành		63					
Bắt buộc			43					
18	Văn học dân gian Việt Nam và định hướng dạy học	NV101	03	30	15	15		60
19	Văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX và định hướng dạy học	NV102	03	30	15	15		60
20	Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 và định hướng dạy học	NV103	02	15	15	15		45
21	Văn học Việt Nam từ 1945 đến 1975 và định hướng dạy học	NV104	02	15	15	15		45
22	Văn học Việt Nam sau 1975 và định hướng dạy học	NV105	02	15	15	15		45
23	Văn học phương Đông và định hướng dạy học	NV106	03	30	15	15		60
24	Văn học phương Tây - Mỹ La tinh và định hướng dạy học	NV107	03	30	15	15		60
25	Văn học Nga và định hướng dạy học	NV108	02	15	15	15		45
26	Bản chất và đặc trưng văn học	VH805	02	15	15	15		45
27	Văn bản, tác phẩm và thể loại văn học	NV109	03	30	15	15		60
28	Tiến trình văn học	NV110	02	15	15	15		45
29	Ngữ âm tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn	VH412	02	15	15	15		45
30	Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt và dạy học từ ngữ trong nhà trường phổ thông	VH413	02	15	15	15		45
31	Ngữ pháp tiếng Việt, ngữ dụng học và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn	NV111	02	15	15	15		45
32	Phong cách học tiếng Việt và ứng dụng trong dạy học Ngữ văn	VH415	02	15	15	15		45
33	Văn bản - đọc hiểu và tạo lập	NV230	03	30	15	15		60
34	Tiếng Việt cho người nước ngoài	NV212	02	15	15	15		45
35	Ngoại ngữ 4 (Tiếng Anh chuyên ngành)	VH454	03	30	15	15		60
Tự chọn			20					

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Tự chọn 1: Chuyên đề Văn học Việt Nam (chọn 02 trong số 06 học phần sau với tổng thời lượng là 05 tín chỉ)		05					
36	Đọc hiểu văn bản văn học dân gian Việt Nam	NV201	03	30	15	15		60
37	Đọc hiểu văn bản văn học trung đại Việt Nam	NV210	03	30	15	15		60
38	Tiếp nhận tác phẩm văn học chữ Hán ở nhà trường phổ thông	NV204	03	30	15	15		60
39	Đọc hiểu văn bản thơ Nôm Đường luật	NV205	02	15	15	15		45
40	Đọc hiểu văn bản truyện Việt Nam giai đoạn 1930 - 1945	VH507	02	15	15	15		45
41	Đọc hiểu văn bản thơ Việt Nam giai đoạn sau 1975	NV207	02	15	15	15		45
	Tự chọn 2: Chuyên đề Ngôn ngữ (chọn 02 trong số 06 học phần sau với tổng thời lượng là 05 tín chỉ)		05					
42	Đọc hiểu văn bản từ góc độ ngôn ngữ	NV209	03	30	15	15		60
43	Kĩ năng tạo lập các kiểu văn bản	NV208	03	30	15	15		60
44	Phát triển kĩ năng giao tiếp bằng tiếng Việt	NV210	03	30	15	15		60
45	Đọc hiểu văn bản đa phương thức	NV231	02	15	15	15		45
46	Từ Hán - Việt và dạy học từ Hán Việt trong nhà trường	NV213	02	15	15	15		45
47	Ngôn ngữ đối chiếu	VH453	02	15	15	15		45
	Tự chọn 3: Chuyên đề Lý luận văn học (chọn 02 trong số 06 học phần sau với tổng thời lượng là 05 tín chỉ)		05					
48	Mã hóa và giải mã kí hiệu trong văn học	NV234	03	30	15	15		60
49	Tiếp nhận văn học và phương pháp tiếp nhận tác phẩm văn học	NV214	03	30	15	15		60
50	Phê bình văn học và thẩm bình văn học trong nhà trường phổ thông	NV221	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
51	Tiếp nhận tác phẩm kịch trong trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	NV219	02	15	15	15		45
52	Tiếp nhận tác phẩm thơ trong trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	NV217	02	15	15	15		45
53	Tiếp nhận tác phẩm truyện và kí trong trường THPT theo đặc trưng thi pháp thể loại	NV218	03	30	15	15		60
	Tự chọn 4: Chuyên đề Văn học nước ngoài (chọn 02 trong 06 học phần sau với tổng thời lượng là 05 tín chỉ)		05					
54	Đọc hiểu văn bản trữ tình phương Đông	NV222	03	30	15	15		60
55	Đọc hiểu văn bản tự sự và kịch phương Tây	NV223	03	30	15	15		60
56	Nghiên cứu và giảng dạy văn học Mỹ	NV232	03	30	15	15		60
57	Nghiên cứu và giảng dạy thơ Haiku	NV233	02	15	15	15		45
58	Nghiên cứu và giảng dạy truyện ngắn A. P. Sê - khốp	NV226	02	15	15	15		45
59	Tiểu thuyết đương đại Trung Quốc	VH514	02	15	15	15		45
III	Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm		35					
Bắt buộc			31					
60	Tâm lí học đại cương	TL501	02	15		30		45
61	Tâm lí học sư phạm và tâm lí học lứa tuổi	TL502	02	15		30		45
62	Những vấn đề chung về giáo dục học	GD501	02	15		30		45
63	Lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường THPT	GD502	02	15		30		45
64	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và chuyên ngành văn học, ngôn ngữ	NV306	02	15	15	15		45
65	Môn Ngữ văn trong nhà trường phổ thông	NV301	02	15	15	15		45
66	Phương pháp dạy học đọc hiểu	NV302	03	30	15	15		60
67	Phương pháp dạy viết	NV303	02	15	15	15		45
68	Phương pháp dạy nói - nghe	NV304	02	15	15	15		45
69	Đánh giá năng lực học sinh trong môn Ngữ văn	NV305	02	15	15	15		45

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
70	Thực hành sư phạm 1 (Tổ chức HĐ giáo dục)	NV501	01			30		30
71	Thực hành sư phạm 2 (Dạy học Ngữ văn)	NV502	02			60		45
72	Thực tập sư phạm 1	NV503	03			90		60
73	Thực tập sư phạm 2	NV504	04			90		60
Tự chọn: chọn 2 trong số 7 học phần sau			04					
74	Dạy học các chuyên đề học tập ở THPT	NV311	02	15	15	15		45
75	Dạy học Ngữ văn theo chủ đề tích hợp liên môn	NV235	02	15	15	15		45
76	Đổi mới đánh giá trong môn Ngữ văn theo yêu cầu của PISA	NV316	02	15	15	15		45
77	Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp trong môn Ngữ văn ở trường THPT	NV236	02	15	15	15		45
78	Sinh hoạt chuyên môn theo Nghiên cứu bài học trong dạy học Ngữ văn	NV237	02	15	15	15		45
79	Tham vấn học đường	TL304	02	15	15	15		45
80	Rèn luyện NVSP thường xuyên	SP101	02	15			30	45
IV	Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế		07					
	Khoá luận tốt nghiệp	NV801	07					
	Các học phần thay thế KLTN		07					
	Nhóm học phần thay thế 1: (chọn 1 trong 2 học phần)							
81	Phát triển năng lực đọc hiểu và tạo lập văn bản qua hệ thống phiếu học tập	NV401	04	30	30	30		90
82	Ứng dụng Công nghệ thông tin vào dạy học và đánh giá năng lực học sinh trong môn Ngữ văn	NV402	04	30	30	30		90
	Nhóm học phần thay thế 2: (chọn 1 trong 4 học phần)							
83	Tiếp cận tác phẩm văn học trong nhà trường phổ thông từ các phạm trù thẩm mỹ	NV216	03	30	15	15		60
84	Văn học dịch và lựa chọn văn bản văn học dịch trong nhà trường phổ thông	NV225	03	30	15	15		60

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
85	Độc hiểu văn bản văn học Việt Nam hiện đại	NV203	03	30	15	15		60
86	Từ tiếng Việt trong hệ thống và trong sử dụng	NV403	03	30	15	15		60
	Tổng cộng		135					